TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2021/QĐST-HNGĐ	*Nam Định ngày 08 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nH1 dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 154/2021/QĐ-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Doãn T, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N.

Hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức.

- Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1989

Địa chỉ cư trú: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị T3, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N

Tại phiên họp có mặt chị T2, chị T3; anh T xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo nội dung đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại bản tự khai, anh Trần Doãn T và chị Nguyễn Thị Thu T2 đều trình bày:

Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại anh T đang cư trú và lao động tại Cộng hòa liên bang Đức còn chị T2 sinh sống tại Việt Nam; khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau.Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể chung sống cùng nhau nên đã bàn bạc và thống nhất cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Gia H1, sinh ngày 15/11/2008 và Trần Doãn Gia H, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T chưa về Việt Nam thì anh T ủy quyền cho chị gái là Trần Thị T3 (sinh năm 1985; trú tại: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N) để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Gia H1 và Trần Doãn Gia H.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên họp, chị Nguyễn Thị Thu T2 vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như tại bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị T2 tự nguyện nộptoàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị T3 nhất trí nhận ủy quyền của anh T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Gia H1 và Trần Doãn Gia H trong thời gian anh T chưa về Việt Nam.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nH1 dân tỉnh Nam Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh Trần Doãn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị T2 là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T2, giao cháu Trần Gia H1, Trần Doãn Gia H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thu T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T chưa về Việt Nam thì anh T ủy quyền cho chị gái là Trần Thị T3 nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 và cháu H.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T2 nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Doãn T hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức, trước đó giữa anh T và chị T2 đã có đơn đề nghị thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 37, Điều 40 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam, việc giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định. Tại phiên họp, anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Doãn T và chị Nguyễn Thị Thu T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Gia H1, sinh ngày 15/11/2008 và Trần Doãn Gia H, sinh ngày 06/10/2011. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh T chưa về Việt Nam thì anh T ủy quyền cho chị gái là Trần Thị T3 (sinh năm 1985; trú tại: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N) để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 và cháu H. Xét sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Anh chị không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Chị T2 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam, khoản 2 Điều 149, các Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 của Việt Nam; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Toà án,

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Doãn T và chị Nguyễn Thị Thu T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa anh Trần Doãn T và chị Nguyễn Thị Thu T2 như sau:

Giao cháu Trần Gia H1 sinh ngày 15/11/2008 và cháu Trần Doãn Gia H sinh ngày 06/11/2011 cho anh Trần Doãn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 và cháu H trưởng thành, lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị Thu T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao cho chị Trần Thị T3 (sinh năm 1985; trú tại: 545 T, phường L, thành phố N, tỉnh N) nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Gia H1 và Trần Doãn Gia H trong thời gian anh Trần Doãn T chưa về Việt Nam theo sự ủy quyền của anh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu T2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị T2 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006703 ngày 04-10-2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định, chị T2 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

4. Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 08-11-2021.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
Nguyễn Tiến Dũng
(Đã ký)